TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2024 /QĐST-HNGĐ	*Y..., ngày 15 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 18/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Đỗ Hữu C, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Hữu C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Hữu C xác định vợ chồng có một con chung, nay chị H và anh C thỏa thuận: Giao cháu Đỗ Anh L, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2014 cho anh Đỗ Hữu C được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu L hàng tháng cho anh Đỗ Hữu C với mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 02/2024

cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và chị H có quyền đi lại thăm nom con chung. Về con riêng không ai có nên H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày anh Đỗ Hữu C có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh C, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Hữu C đều xác định vợ chồng không có tài sản và công nợ, nay ly hôn chị H và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001624 ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THADS huyện Y.
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung